TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **225**/2023/DSST
Ngày: **25/9/2023**
V/v "***Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất***"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**
- *Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **HUỲNH VĂN THANH**
2. Ông **CAO VĂN VẠN**
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông MAI QUỐC KHANH-Thư ký tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.
- *Đại diện VKSND huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa*: Ông **NGUYỄN VĂN CÔNG EM-** kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2021/TLST- DS ngày 05 tháng 3 năm 2021 về *"**Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất**"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông **D H M**, sinh năm 1.
Địa chỉ: Ấp T B A, xã T P, h C L, t T G.
Đại diện theo ủy quyền: Ông **l V C**, sinh năm 1. (có mặt)
Địa chỉ: Ấp T B A, xã T P, huyện C L, tỉnh T G.
- *Bị đơn*: Ông **D H H**, sinh năm 1. (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T B A, xã T P, huyện C L, tỉnh T G.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1. P T A L , sinh năm 1 (xin vắng mặt)
2. P T H, sinh năm 1(xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp T B A, xã T P, huyện C L, tỉnh T G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện tờ tự khai cùng ngày 10/01/2020, và tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn ông L V C trình bày: Cụ D V S sinh năm 1935 (chết năm 2000) và cụ L T T sinh năm 1940 (chết năm 2013), có hai người con là ông D H H và ông D H M, cụ S và cụ T có thửa đất số 844, tờ bản đồ số 2, diện

tích 1.144m^2 (nay là thửa số 162, tờ bản đồ số 18, đo đạc thực tế 856,1m^2) tọa lạc ấp Tân Bường A, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do cụ S đứng tên quyền sử dụng đất, nguồn gốc thửa đất do mẹ cụ T tặng cho, cụ S và cụ T chết không để lại di chúc, khi còn sống cụ S, cụ T đã phân chia và cắm ranh làm 02 phần cho ông M và ông H, năm 2001 ông D H H tự kê khai thừa kế, được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03546 QSDĐ cấp ngày 12/10/2001 cho ông D H H đại diện hộ đứng tên, do đi làm ăn xa nên không hay ông H đã tự lập thủ tục đứng tên toàn bộ thửa đất, khi ông M biết được thì xảy ra tranh chấp, trên thửa đất ngoài căn nhà của ông H, còn có căn nhà của cụ T được chính quyền địa phương hỗ trợ xây dựng do thuộc hộ nghèo, 02 ngôi mộ của cụ S và cụ T cùng cây ông M trồng trên thửa đất, ông M thống nhất không tranh chấp tài sản trên đất, giao cho ông H căn nhà của cụ T do ông M đang quản lý, không tranh chấp giá trị căn nhà, cây trồng trên phần đất chia cho ông H giao luôn cho ông H không tranh chấp.

Nay ông D H M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Xác định thửa đất số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 (nay là thửa số 162, tờ bản đồ số 18, đo đạc thực tế 856,1m^2) tọa lạc ấp T B A, xã T P, huyện C L, tỉnh T G là di sản thừa kế của cụ D V S và cụ L T T chết để lại không có di chúc.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 (nay là thửa số 162, tờ bản đồ số 18, đo đạc thực tế 856,1m^2) tọa lạc ấp T B A, xã T P, huyện C L, t T G, làm 02 kỷ phần, xin nhận một kỷ phần đất theo bản đồ địa chính khu đất trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy ngày 03/8/2022 có diện tích 377m^2 ký hiệu (1).

Bị đơn ông D H H vắng mặt, tại các bản tự khai ngày 24 /12/2021 và ngày 29/12/2021 ông trình bày: Trước đây cha, mẹ ruột ông là cụ D V S và cụ LT T có sử dụng 02 thửa đất, thửa 1.000m^2 tại ấp T L A, xã T P và thửa số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 tại ấp T B A, xã T P, các cụ đã thống nhất tự thỏa thuận tặng cho ông và ông D H M mỗi người được hưởng phân nửa diện tích đất mỗi thửa đất. Ông lập gia đình nên năm 1997 cha mẹ cho vợ chồng ra riêng xây dựng nhà tại thửa đất số 844, năm 2000 cha chết, mẹ và ông M thỏa thuận là phần đất diện tích 1.000m^2 ở ấp T L A, xã T P chuyển sang tên nguyên thửa tặng cho ông M bán lấy tiền trả nợ, đồng ý tự nguyện ký tặng cho di sản của cha để lại cho cá nhân ông toàn bộ thửa đất 844 và ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của cá nhân ông vào năm 2001 nhưng quá trình lập thủ tục nhà nước cấp cho hộ ông D H H, năm 2012 mẹ ông được chính quyền xét hộ nghèo tặng nhà tình nghĩa nhưng mẹ ông không có đất xây dựng, ông cho cất tạm

trên thửa đất số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 để sinh sống đến cuối đời, năm 2013 cụ T chết, ông M sống chung cụ T quản lý căn nhà đến nay, thửa đất 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 là tài sản của cá nhân ông, không phải là di sản thừa kế, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông D H M, đồng ý để ông M tạm sinh sống trong căn nhà tình thương của mẹ ruột, khi ông M qua đời ông được quyền sử dụng, quản lý sở hữu hợp pháp căn nhà, ông M không được chuyển nhượng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P T Á Liên có xin vắng mặt, tại bản tự khai ngày 30/12/2021, bà trình bày: Bà có chồng về gia đình ông H sinh sống, năm 1997 cha mẹ cho vợ chồng xây dựng nhà tại thửa đất số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2, năm 2000 cha chồng chết, mẹ chồng và em chồng là ông D H M thỏa thuận với chồng bà là phần đất diện tích 1.000m^2 ở ấp T L A, xã T P chuyển sang tên nguyên thửa tặng cho ông M bán lấy tiền trả nợ, đồng thời mẹ chồng và em chồng đồng ý tự nguyện ký tặng cho di sản của cha chồng để lại cho cá nhân chồng bà toàn bộ thửa đất 844 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp vào năm 2001, quá trình lập thủ tục nhà nước cấp giấy tờ đất hợp pháp cho hộ ông D H H nhưng khối di sản tài sản này là thuộc cá nhân chồng bà, năm 2012 mẹ chồng được nhà nước tặng cho nhà tình thương nhưng không có đất, nên chồng bà cho cất tạm trên thửa đất ở đến cuối đời, năm 2013 mẹ chồng chết, ông M sống chung cùng quản lý căn nhà này, ông M khởi kiện là không đúng sự thật, ý kiến của bà đồng ý cho ông M tạm sinh sống trong căn nhà tình thương của mẹ chồng trên thửa đất số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 tọa lạc ấp T B A, xã T P, huyện C L, tỉnh T G đến khi ông M qua đời, ông M không được sang bán.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị P T H đơn có đơn xin vắng mặt, tại bản tự khai ngày 30/12/2021, chị trình bày: vào năm 2001 chị được biết nhà nước đã công nhận quyền sử dụng đất cho cha ruột là ông D H H đứng tên thửa đất số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 tại ấp T B A, xã T P, huyện C L, tỉnh T G, cha chị quản lý sử dụng hợp pháp cho đến nay, quá trình lập thủ tục nhà nước cấp giấy tờ đất hợp pháp cho hộ ông D H H nhưng khối di sản tài sản này là thuộc cá nhân ông D H H, năm 2012 bà nội chị được nhà nước tặng cho nhà tình thương nhưng không có đất, nên cha chị cho cất tạm trên thửa đất ở đến cuối đời, năm 2013 bà nội chết, ông M về sống chung cùng quản lý căn nhà này, ông M khởi kiện là không đúng sự thật vì bà nội và ông M đã thỏa thuận tự nguyện tặng di sản thửa đất cho cá nhân cha chị từ trước, ý kiến của chị đồng ý cho ông M tạm sinh sống trong căn nhà tình thương của bà nội trên thửa đất số

844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 tọa lạc ấp T B A, xã T P, huyện C L, tỉnh T G đến khi ông M qua đời, ông M không được sang bán.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Án.

- Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông D H H đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần để xét xử nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông H theo quy định khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà P T Á L, chị P H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đương sự theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Đại diện nguyên đơn trình bày, cụ D V S sinh năm 1935 (chết năm 2000) và cụ L T T sinh năm 1940 (chết năm 2013), có hai người con là ông D HH và ông D H M, cụ S, cụ T có thửa đất số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 (nay là thửa số 162, tờ bản đồ số 18, đo đạc thực tế 856,1m^2) tọa lạc ấp T B A, xã T P, huyện C L, tỉnh T G do cụ S đứng tên quyền sử dụng đất, nguồn gốc do mẹ cụ T tặng cho, cụ S và cụ T chết không để lại di chúc, năm 2001 ông H tự kê khai thừa kế, được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03546 QSDĐ cấp ngày 12/10/2001 cho ông H đại diện hộ đứng tên, trước đây cụ S và cụ T đã cấm ranh chia làm 02 phần cho ông M và ông H, ông M không hay biết việc ông H đã tự lập thủ tục đứng tên toàn bộ thửa đất, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, ông M thống nhất không tranh chấp tài sản trên đất, giao cho ông H căn nhà của cụ T, không tranh chấp giá trị căn nhà, cây ông trồng trên phần đất chia cho ông H thì giao luôn cho ông H không tranh

chấp; Còn bị đơn vắng mặt, tại tờ bản tự khai ngày 30/12/2022 cho rằng, cụ S và cụ T có 02 thửa đất, thửa 1.000m^2 tại ấp Tân Luông A, xã Tân Phong và thửa số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 tại ấp Tân Bường A, xã Tân Phong, thống nhất tặng cho ông và ông M mỗi người phân nửa diện tích đất mỗi thửa, năm 1997 ông lập gia đình ra riêng xây dựng nhà tại thửa đất số 844, năm 2000 cụ S chết, cụ T và ông M thỏa thuận phần đất diện tích 1.000m^2 ở ấp T L A, xã T Ph tặng ông M bán lấy tiền trả nợ, thửa đất số 844 cho cá nhân ông H nhưng quá trình lập thủ tục nhà nước cấp cho hộ ông H, năm 2012 cụ Tđược chính quyền hỗ trợ xây nhà tình thương nhưng không có đất nên ông H cho cất tạm trên thửa đất số 844, ông M sống chung cụ T, khi cụ T chết, ông M quản lý căn nhà đến này, thửa đất 844 không phải di sản thừa kế, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông M, đồng ý để ông M tạm sinh sống trong căn nhà của cụ T, khi ông M qua đời ông H được quyền sử dụng, quản lý sở hữu hợp pháp căn nhà, ông M không được chuyển nhượng; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thúy Hoa, chị Phan Thúy Hoa xin vắng mặt, tại các bản tự khai ngày 30/12/2021 thống nhất lời trình bày và ý kiến của ông D H H.

[3] Theo bản đồ khu đất trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy ngày 03/8/2022, biên bản định giá, biên bản xem xét thẩm định thực tế tại chỗ cùng ngày 22/12/2021 thể hiện:

I. Đất tranh chấp thuộc thửa đất số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 (nay là thửa số 162, tờ bản đồ số 18, đo đạc thực tế 856,1m^2) tại ấp T Bư A, xã T P, huyện CL, tỉnh T G do ông D H H đứng tên quyền sử dụng.

Căn cứ Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh Tiền Giang Ban hành quy định về Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

I. Phần đất tranh chấp thuộc khu vực 1, vị trí 3, có đơn giá: 190.000 đồng/m^2; Theo khảo sát giá thị trường khu đất có vị trí tương đồng, đơn giá: 633.000 đồng/m^2

1. Phần đất ông D H M yêu cầu chia có diện tích 377m^2, ký hiệu (1) có vị trí tứ cận:

+ Hướng bắc giáp ĐH.64. NHỰA

+ Hướng nam giáp rạch Đình

+ Hướng đông giáp phần đất còn lại của thửa đất chia cho ông H

+ Hướng tây giáp rạch.

2. Phần đất yêu cầu chia cho D H H có diện tích 479.1m^2, ký hiệu (2) có vị trí tứ cận:

+ Hướng bắc giáp ĐH.64. NHỰA

+ Hướng nam giáp rạch Đình

+ Hướng đông giáp ông C C K

+ Hướng tây giáp phần đất còn lại của thửa đất chia cho ông M

II. Vật kiến trúc trên đất:

Căn cứ Quyết định số 04/2021/QD-UBND ngày 04/02/2021 của UBND tỉnh ban hành bảng đơn giá xây dựng nhà ở và vật kiến trúc thông dụng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

1. Nhà trên phần đất yêu cầu chia cho ông H:

1.1 Nhà ông H: Kết cấu: mái tole, kèo gỗ, cột bê tông cốt thép, tường gạch xây không tô, nền gạch tàu, có khu phụ; Diện tích: 50,14m^2; Đơn giá: 3.990.000 đồng/m^2; Giá trị thực tế: 172.962.944đồng; Tỷ lệ còn lại 40%; Trị giá 69.185.178 đồng.

- Mái che: Kết cấu: mái tole, cột bê tông cốt thép, kèo gỗ, nền gạch tàu + đất; Diện tích: 82,4m^2; Đơn giá: 492.000 đồng/m^2; Giá trị thực tế: 40.563.432 đồng; Tỷ lệ còn lại 10%; Trị giá 4.056.343 đồng.

1.2 Nhà cụ T, ông M quản lý: Kết cấu: mái tole, kèo gỗ, cột bê tông cốt thép, tường gạch xây không tô, nền xi măng + gạch tàu, không có khu phụ; Diện tích: 24,8m^2; Đơn giá 3.990.000đ/m^2; Giá trị thực tế 85.550.000 đồng/m^2; Tỷ lệ còn lại 60%; Trị giá 51.330.048 đồng.

- Mái che: Kết cấu: mái tole, cột kèo gỗ, vách tôn, nền xi măng; Diện tích: 82,4m^2; Đơn giá: 463.000 đồng/m^2; Giá trị thực tế: 38.172.498 đồng; Tỷ lệ còn lại 10%; Trị giá 3.817.250 đồng.

2. Trên đất ông M yêu cầu được chia có 02 ngôi mộ trên phần diện tích 11,3m^2, đương sự không yêu cầu đo đạc định giá.

III. Cây trồng trên đất

Căn cứ Quyết định 12/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Tiền Giang Ban hành quy định đơn giá cây trái hoa màu.

1. Cây trồng trên phần đất ông M yêu cầu được chia có tổng giá trị: 29.736.000đ.

- Xoài: 04 loại A x 2.774.000đ/cây = 11.096.000đ
- Dừa: 05 cây loại A: x 2.200.000 đồng/cây = 11.000.000 đồng; 05 cây loại C: x 213.000 đồng/cây = 1.065.000 đồng.
- Nhãn: 01 cây loại B2: x 725.000 đồng/cây = 725.000 đồng.
- Me: 01 cây loại A x 910.000 đồng/cây = 910.000 đồng.
- Mận: 01 cây loại D x 314.000 đồng/cây = 314.000 đồng.
- Mít: 02 cây loại B2 x 1.298.000 đồng/cây = 2.596.000 đồng; 01 cây loại C: x 145.000 đồng/cây = 145.000 đồng

- Điều: 01 cây loại B1 x 325.000 đồng/cây = 325.000 đồng.

- Kiểng cây có đường kính < 20cm (công di dời): 02 cây x 780.000 đồng/cây = 1.560.000 đồng.

2. Cây Trồng trên phần đất yêu cầu chia cho ông H có tổng giá trị: 25.614.000đ.

- Xoài: 07 loại A x 2.774.000đ/cây = 19.418.000đ

- Dừa: 02 cây loại A: x 2.200.000 đồng/cây = 4.400.000 đồng; 03 cây loại C: x 213.000 đồng/cây = 639.000 đồng.

- Điều: 01 cây loại B1 x 325.000 đồng/cây = 325.000 đồng; 02 cây loại C: x 26.000 đồng/cây = 52.000 đồng.

- Kiểng cây có đường kính 10cm-20cm (công di dời): 02 cây x 390.000 đồng/cây = 780.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định, căn nhà của cụ T ông M đang quản lý và cây trồng trên thửa đất đều do ông M trồng, nay thống nhất giao luôn căn nhà và cây trồng gắn liền trên phần diện tích đất chia cho ông H, không tranh chấp. Đối với ngôi mộ của cụ S và cụ T trên phần diện tích đất ông Myêu cầu được chia, không tranh chấp, không yêu cầu đo đạc định giá.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu xác định thửa đất số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 (nay là thửa số 162, tờ bản đồ số 18, đo đạc thực tế 856,1m^2) tọa lạc ấp TB A, xã T P, huyện C L, tỉnh T G là di sản thừa kế của cụ D V S và cụ LT T chết để lại không di chúc; Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 (nay là thửa số 162, tờ bản đồ số 18, đo đạc thực tế 856,1m^2) tọa lạc ấp T B A, xã T P, huyện C L, tỉnh T G, làm 02 kỷ phần, xin nhận kỷ phần đất theo bản đồ địa chính khu đất trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy ngày 03/8/2022 có diện tích 377m^2 ký hiệu (1).

4.1 Đối với yêu cầu xác định thửa đất số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 (nay là thửa số 162, tờ bản đồ số 18, đo đạc thực tế 856,1m^2) là di sản thừa kế của cụ D V S và cụ L Th T: Theo nguyên đơn trình bày, cụ S, cụ T được cha mẹ cho thửa đất số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 tọa lạc ấp TBA, xã T P, huyện C L, tỉnh T G do cụ S đứng tên quyền sử dụng đất, cụ S và cụ T chết không để lại di chúc, năm 2001 ông H tự kê khai thừa kế đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất; Bị vắng mặt, tại bản tự khai ngày 30/12/2022 trình bày, năm 2000 cụ S chết, cụ T và ông M thỏa thuận phân chia phần đất diện tích 1.000m^2 ở ấp T L A, xã T P cho ông M bán lấy tiền trả nợ, tặng thửa đất số 844 cho cá nhân ông H, quá trình lập thủ tục nhà nước cấp cho hộ ông H, thửa đất này không phải là di sản thừa kế. Xét thấy, năm 2001 ông H kê khai thừa kế để đăng ký cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, theo chứng cứ Chi nhánh văn phòng đăng đất đai huyện Cai Lậy cung cấp, trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho ông H có đơn xin thừa kế của ông H nhưng không thể hiện rõ ngày tháng của năm 2001 với nội dung như sau: "*…cha tôi qua đời gia đình bàn thống nhất chuyển toàn bộ số đất nói trên lại cho tôi thừa kế đứng bộ để dễ dàng sử dụng và có nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước…gia đình đồng ký tên…*" trong đơn có chữ ký của cụ L T T và ông D H M, trưởng ấp T H Ng xác nhận ngày 11/4/2001, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Phong ông K M Q xác nhận ngày 07/5/2001, ngày 07/5/2001 ông H có đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận vào ngày 12/10/2001 cho ông H đại diện hộ đứng tên, theo công văn số 74/CAX ngày 27/7/2023 của Công an xã T P xác nhận, tại thời điểm ngày 12/10/2001 thành viên trong hộ gồm có cụ L T T, ông D H H, ông D H M, bà P T H, tuy nhiên ông M cho rằng gia đình không có thỏa thuận phân chia di sản vì cụ T và ông M không biết chữ nên không ký tên trong đơn xin thừa kế, ngoài ra tại các biên bản xác minh ngày 30/6/2023 của Tòa án, ông T H N xác định, trước đây ông làm trưởng ấp T B A, ông H cầm đơn xin thừa kế đến nhà nhờ ông xác nhận ông S chết giao quyền thừa kế lại để ông H nộp thuế nhà nước, ông Ng cũng xác định bà T không biết chữ, còn ông Q V T hiện đang là cán bộ công chức thương binh và xã hội xã Tân Phong xác định, cụ N T T và ông D H M không biết chữ, giấy tờ liên quan cụ T và ông M chỉ lăn tay, do đó ông H cho rằng ông được cụ T và ông M tự nguyện tặng di sản là thửa đất số 844 (nay là thửa 162) cho cá nhân ông và ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nên không đồng ý chia thừa kế là không có cơ sở. Hội đồng xét xử xác định thửa đất số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 (nay là thửa số 162, tờ bản đồ số 18, đo đạc thực tế 856,1m^2) tọa lạc ấp T B A, xã T P, huyện C L, tỉnh Tiền Giang là di sản thừa kế của cụ S và cụ T để lại không có di chúc là phù hợp theo quy định tại điều 612 của Bộ luật dân sự 2015.

4.2 Đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 (nay là thửa số 162, tờ bản đồ số 18, đo đạc thực tế 856,1m^2) làm 02 kỷ phần, xin nhận kỷ phần là đất, phần theo bản đồ địa chính khu đất trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy ngày 03/8/2022 có diện tích 377m^2 ký hiệu (1). Xét thấy, như nhận định tại phần 4.1 xác định thửa đất số 844 (nay là thửa 162) là di sản thừa kế của cụ S, cụ T để lại không có di chúc được chia thừa kế theo pháp luật, hàng thừa kế thứ nhất của cụ S, cụ T gồm ông D H H và ông D H M nên chia di sản làm 02 phần, nguyên đơn yêu cầu nhận phần đất có diện tích 377m^2 kí hiệu (1) trên đất có 02 ngôi mộ và cây ông M trồng, chia cho ông H phần đất có diện tích 479,1m^2 ký hiệu (2) trên

đất có căn nhà của ông H, đối với căn nhà của cụ T do ông Mquản lý cùng cây ông M trồng gắn liền trên phần đất chia cho ông H, thống nhất giao luôn cho ông H, không tranh chấp giá trị nhà và cây trồng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa ông D H H vắng mặt xem như ông H tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định tại Điều 650 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Đối với chi phí tố tụng: nguyên đơn đã nộp chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, nguyên đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Riêng đối với ông D H M được chia tài sản, tuy nhiên ông M hộ nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 147, 244 của bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 612, 618, 649, 650, 651, của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D H M.

- Xác định thửa đất số 844, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.144m^2 (nay là thửa số 162, tờ bản đồ số 18, đo đạc thực tế 856,1m^2) tại ấp T B A, xã T P, huyện C L, tỉnh T Gi, được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03546 ngày 12/10/2001 do ông D H H đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất là di sản thừa kế cụ D V S và cụ L T T, chia thừa kế theo pháp luật. Cụ thể theo bản đồ khu đất trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy ngày 03/8/2022 như sau:

* Chia cho ông D H M phần đất có diện tích 377m^2 trên đất có 02 ngôi mộ và cây trồng, theo bản đồ khu đất trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy ngày 03/8/2022, ký hiệu (1), có vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng bắc giáp ĐH.64. NHỰA

+ Hướng nam giáp rạch Đình

+ Hướng đông giáp phần đất còn lại của thửa đất chia cho ông H

+ Hướng tây giáp rạch. (có sơ đồ kèm theo)

* Chia cho D H H phần đất có diện tích 479.1m^2 trên đất có căn nhà của ông H và căn nhà cụ T cùng cây trồng, theo bản đồ khu đất trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy ngày 03/8/2022, ký hiệu (2) có vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng bắc giáp ĐH.64. NHỰA

+ Hướng nam giáp rạch Đình

+ Hướng đông giáp ông C C K

+ Hướng tây giáp phần đất còn lại của thửa đất chia cho ông M. (có sơ đồ kèm theo)

- Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông D H M, D H H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp xong.

3. Về án phí:

- Ông D H M phải chịu 11.932.050đ án phí dân sự sơ thẩm, ông H hộ nghèo có đơn xin miễn nên không phải nộp.

- Ông D H H phải chịu 15.164.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng thời hạn kháng cáo tính từ khi tòa án tống đạt án hợp lệ

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi Cục THADS huyện Cai Lậy;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Kim Ngọc